TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HS-ST
Ngày 26/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ma Quốc Tuấn.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lương Mạnh Hà** và bà **La Thị Huệ;**

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:* Ông **Mai Duy Định** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 26 tháng 5 năm 2020 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2020/TLST-HS ngày 21/02/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nông Minh T, sinh ngày 06/01/1972 tại Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 15, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nông Văn C và bà Nông Thị L; Vợ Nông Thị N, có 01 con sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thị Hồng Đ, sinh ngày 09/01/1978 tại Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 8, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Đăng D và bà Đỗ Thị S; Chồng Nguyễn Văn T đã ly hôn, có 01 con sinh năm 2003; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Cao H, sinh ngày 30/6/1988 tại V – Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; Tạm trú: Tổ 5, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Xuân H và bà Nguyễn Thị L; Vợ, con: Chưa có; Tiền án:Không; Tiền

sự: 02 (Trong năm 2017, bị Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Tàng trữ vũ khí thô sơ mà không có giấy phép" với hình thức phạt tiền 15.000.000 đồng; bị Công an huyện V, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Xâm hại đến sức khỏe của người khác" với hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng); Về nhân thân: Năm 2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 08 năm tù về tội "Giết người". Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Cà Xuân T1**, sinh năm 1966, HKTT tại: Tổ 16, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, nay trú tại: Tổ 11, phường P, thành phố T, tỉnh Thái nguyên, có mặt tại phiên tòa.

** Người làm chứng:*

- Bà **Hứa Thanh C**, sinh năm 1988, trú tại: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt).

- Ông **Lương Ngọc P**, sinh năm 1980, trú tại: Tổ 8A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Chỗ ở hiện nay: 933/4/12A tỉnh lộ 10, TT, BT, thành phố H (Vắng mặt).

- Ông **Dương Minh H**, sinh năm 1993, trú tại: Xóm C, xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

- Ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1995, trú tại: Xóm L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 01/2017, do cần tiền giải quyết công việc cá nhân nên ông Cà Xuân T1 hỏi vay tiền của ông Nông Minh T (Ông T1 và T là bạn bè cùng công tác trong ngành Công an) nhưng T không có tiền nên ông T1 đã nhờ T vay tiền của người khác cho ông T1. Do có quan hệ quen biết với Lê Thị Hồng Đ, khi biết Đ có dịch vụ cho người khác vay để thu lãi suất, T đã bảo Đ cho ông T1 vay tiền và được Đ đồng ý. Sau đó, Đ đưa cho T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) để cho ông T1 vay với lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 3000đ/01 triệu/01 ngày. Lúc này giữa ông T và ông T1 chưa làm hợp đồng vay tiền, đến ngày 17/3/2017 giữa ông T1 và T mới làm giấy biên nhận vay tiền với nội dung ông T1 vay của Lê Thị Hồng Đ số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nhưng không ghi lãi suất. Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 01/2017 đến ngày 11/4/2017, T đã thu của ông T1 tổng số tiền lãi là 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng). Ngày 28/4/2017, thông qua T ông T1 tiếp tục vay của Đ số tiền 150.000.000đ (một trăm, năm mươi triệu đồng) với lãi

suất là 3.000đ/ 01 triệu/01 ngày. Tổng số tiền ông T1 vay của Đ là 250.000.000đ (hai trăm, năm mươi triệu đồng) với lãi suất là 3.000đ/01 triệu/ 01 ngày, hàng tháng ông T1 phải trả cho Đ số tiền lãi là 22.500.000đ (hai mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng) và T là người đứng ra thu tiền lãi cho Đ. Sau đó, do ông T1 không trả tiền lãi nên trong khoảng thời gian từ tháng 7/2017 đến tháng 12/2017, Đ đã bảo T cộng dồn số tiền lãi hàng tháng và tiền gốc rồi tính lãi suất là 5.000đ/01 triệu/01 ngày để ép ông T1 phải trả tiền lãi. Hàng tháng, T viết giấy vay tiền mới rồi nhờ Lương Ngọc P (Tên gọi khác là Ph), sinh năm 1980, trú tại tổ 8A, phương Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn đưa đến phòng làm việc của ông T1 để ông T1 ký lại. Đến ngày 21/01/2018, sau khi Đ và T nâng lãi suất lên 5.000đ/01 triệu/ 01 ngày, ông T1 đã vay của ông Triệu Văn H, sinh năm 1964, trú tại thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Số tiền này T1 đã trả cho T, T đã đưa lại cho Lê Thị Hồng Đ.

Từ khoảng cuối tháng 01/2018, do ông T1 chậm trả tiền lãi nên T đã chuyển khoản vay của ông T1 cho Lê Thị Hồng Đ để tiếp tục đòi. Hàng tháng, Đ gọi điện thoại cho ông T1 yêu cầu trả tiền lãi. Đến khoảng đầu tháng 6/2018, do ông T1 không trả được tiền nên Đ đã yêu cầu ông T1 đến phòng trọ của Lê Cao H (Thời điểm đó H đang tạm trú tại số nhà 14, tổ 1A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn) để viết lại giấy vay tiền. Lúc này, số tiền ông T1 nợ Đ lên đến 884.000.000đ (Tám trăm, tám mươi bốn, triệu đồng). Do Đ đòi nợ nhiều lần và số tiền nợ tăng lên nhiều nên ngày 04/6/2018, ông T1 đã vay Ngân hàng Nông nghiệp Bắc Kạn (Chi nhánh Minh Khai) số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) rồi hẹn Đ đến phòng trọ của H để trả cho Đ. Tại đây, ông T1 đã trả cho Đ số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Sau khi nhận số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) từ ông T1, Đ đã hủy, tờ giấy vay ghi số tiền 884.000.000đ (Tám trăm, tám mươi bốn, triệu đồng). Số tiền ông T1 còn nợ là 284.000.000đ (Hai trăm, tám mươi bốn, triệu đồng), Đ và T1 thống nhất Lê Cao H là người đứng tên cho vay với lãi suất cho vay 2.000đ/01 triệu/ 01 ngày, số tiền lãi thu được thì Đ và H sẽ chia đôi, còn tiền gốc thu được H sẽ đưa cho Đ.

Đến ngày 06/6/2018, H gọi ông T1 đến phòng trọ của H, rồi bảo Dương Minh H, sinh năm 1993, trú tại xóm C, xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên đưa cho ông T1 một tờ mẫu giấy vay tiền để ông T1 ghi nội dung vay số tiền 284.000.000đ (Hai trăm, tám mươi tư triệu đồng) của Lê Cao H rồi ký vào giấy vay tiền, lãi suất thỏa thuận miệng là 2.000đ/01 triệu/01 ngày. Khoảng một tháng sau, do ông T1 không trả tiền lãi nên H đã nâng số tiền lãi lên 5.000đ/01 triệu/01 ngày để ép ông T1 trả tiền, cứ 10 (Mười) ngày ông T1 phải trả lãi một lần, việc nâng tiền lãi này được H thông báo cho Đ biết. Khi H và Đ nâng lãi lên 5.000đ/01 triệu/ 01 ngày thì ông T1 bắt đầu trả tiền lãi cho H, cụ thể từ ngày 03/7/2018 đến 13/9/2018 ông T1 trả tiền lãi vào tài khoản số 8600205112146

của Lê Cao H 09 lần với tổng số tiền 133.000.000đ (Một trăm ba mươi ba triệu đồng), trong đó có 83.000.000đ (Tám mươi ba triệu đồng) tiền lãi và 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc của số tiền 284.000.000đ (Hai trăm, tám mươi bốn triệu đồng). Do ông T1 đã trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc nên ngày 14/9/2018, H gọi ông T1 đến phòng trọ của H để viết và ký lại giấy vay mới với nội dung ông T1 vay của H số tiền 234.000.000đ (Hai trăm, ba mươi bốn triệu đồng), lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 5.000đ/01 triệu/01 ngày. Sau ngày 14/9/2018, ông T1 nhiều lần trả tiền lãi cho H thông qua chuyển khoản ngân hàng với tổng số tiền 38.022.000đ (Ba mươi tám triệu, không trăm hai mươi hai nghìn đồng) và trả tiền lãi cho Đ 01 lần dưới hình thức chuyển vào tài khoản số 103006269971 của Đ với số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Sau đó, ông T1 không trả được tiền lãi nên H nhiều lần đến nhà và lên cơ quan ông T1 để đòi tiền nên ngày 29/5/2019 ông T1 đã làm đơn gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn tố cáo hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Nông Minh T, Lê Thị Hồng Đ và Lê Cao H.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu thập các tài liệu liên quan đến các giao dịch đối với tài khoản ngân hàng số 8600205112146 của Lê Cao H với tài khoản ngân hàng số 103006269971 của Lê Thị Hồng Đ. Kết quả phù hợp với lời khai của ông Cà Xuân T1, Lê Cao H và Lê Thị Hồng Đ.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định chữ viết trên giấy biên nhận ngày 17/3/2017 do ông Cà Xuân T1 giao nộp; chữ viết trên giấy biên nhận ngày 30 tháng 12 năm 2018, phía dưới mặt sau ghi "Ngày vay 30/12/2017" và tờ giấy có nội dung "Lãi 22 Ngày = 22.440…) do Lương Ngọc P giao nộp.

Tại bản kết luận giám định số: 4052/C09-P5 ngày 26/7/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: "Chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A với chữ viết của ông Nông Minh T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M2 do cùng một người viết ra".

Tại bản kết luận giám định số: 4793/C09-P5 ngày 12/9/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

- Chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết của ông Nông Minh T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M do cùng một người viết ra.

- Chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết của ông Nông Minh T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một người viết ra.

Tại Bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 20/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Nông Minh T, Lê Thị Hồng Đ, Lê Cao H về tội

"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự, điều luật có nội dung:

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị hướng xử lý như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử T1 bố các bị cáo Nông Minh T, Lê Thị Hồng Đ, Lê Cao H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Đối với bị cáo Nông Minh T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 khoản 3 Điều 201; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54/BLHS, xử phạt bị cáo Nông Minh T mức án từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung từ 30.000.000 đến 40.000.000đ; Khấu trừ thu nhập của bị cáo từ 5 đến 10%.

Đối với bị cáo Lê Thị Hồng Đ đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52/BLHS, xử phạt bị cáo Lê Thị Hồng Đ từ 12 đến 15 tháng tù; phạt bổ sung từ 50.000.000 đến 60.000.000đ.

Đối với bị cáo Lê Cao H đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52/BLHS, xử phạt bị cáo Lê Cao H từ 9 đến 12 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 10 (Mười) tháng tù tại bản án số 27/2019/HSST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, phạt bổ sung từ 50.000.000 đến 60.000.000đ.

Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Lê Thị Hồng Đ nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 50.000.000đồng (Là phương tiện, công cụ phạm tội).

- Buộc Lê Thị Hồng Đ và Lê Cao H phải trả lại cho ông Cà Xuân T1 số tiền đã thu lợi bất chính như sau:

+ Bị cáo Lê Thị Hồng Đ phải trả lại cho ông T1 số tiền 722.455.794đ (Bảy trăm hai mươi hai triệu bốn trăm năm năm nghìn bảy trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

+ Bị cáo Lê Cao H phải trả lại cho ông T1 số tiền 51.417.500đ (Năm mươi mốt triệu, bốn trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng).

- Buộc các bị cáo Lê Thị Hồng Đ và Lê Cao H phải nộp vào ngân sách Nhà nước khoản tiền lãi 20% theo quy định cụ thể:

- Bị cáo Lê Thị Hồng Đ phải nộp số tiền là: 70.022.206đ (Bảy mươi triệu không trăm hai mươi hai nghìn hai trăm lẻ sáu đồng).

- Bị cáo Lê Cao H phải nộp số tiền là: 9.104.500đ (Chín triệu một trăm linh bốn nghìn năm trăm đồng).

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cà Xuân T1 phải nộp ngân sách nhà nước số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) là số tiền gốc ông vay chưa trả (Công cụ, phương tiện phạm tội).

Xử lý vật chứng theo quy định tại Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cà Xuân T1 thừa nhận được vay của T, Đ, H số tiền 250.000.000 đồng. Đã trả gốc và lãi tổng số tiền là 903.022.000 đồng trong đó có 150.000.000 đồng là tiền gốc còn lại là tiền lãi. Số tiền còn nợ là 234.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận

phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể như sau:

Nông Minh T và Lê Thị Hồng Đ có quen biết nhau từ nhỏ, T biết Đ thường xuyên cho vay tiền với lãi suất cao, nên khi Cà Xuân T1 (là đồng nghiệp cùng công tác trong ngành công an) hỏi vay tiền, do T không có tiền nên T đã giới thiệu T1 với Lê Thị Hồng Đ, sau đó T1 và Đ có trao đổi vay tiền và Đ nhất trí thông qua T cho T1 vay 02 lần tiền:

- Lần 1: Từ tháng 01/2017 đến ngày 11/4/2017: T, Đ cho T1 vay 100.000.000 đồng với lãi suất 3.000đ/1triệu/1ngày. Sau đó T1 đã trả lãi cho T số tiền 24.000.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 28/4/2017, T, Đ tiếp tục cho T1 vay 150.000.000 đồng với lãi suất 3.000đ/1triệu/1ngày.

Ngày 21/01/2018 T1 đã trả cho T 100.000.000 đồng khi đưa Cà Xuân T1 có nói trừ vào tiền gốc, tuy nhiên bị cáo T, Đ không thừa nhận mà xác định đây là tiền lãi. Số tiền này T đã đưa hết cho Đ. Sau đó, do T1 không trả tiền lãi nên T và Đ đã cộng dồn tiền lãi hàng tháng vào tiền gốc, tính đến thời điểm tháng 6/2018 số tiền T1 nợ T và Đ lên đến 884.000.000 đồng.

Ngày 04/6/2018 T1 trả cho Đ 600.000.000 đồng, số tiền còn nợ là 284.000.000đ. Tại thời điểm này, T và Đ đã thu của T1 tổng số tiền lãi là 724.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền **663.082.294** đồng.

Đối với số tiền còn nợ lại là 284.000.000 đồng, Đ để cho Lê Cao H là người đứng tên cho vay. Từ ngày 04/6/2018 đến ngày15/10/2018, H và Đ đã thu của ông T1 tổng số tiền là 179.022.000 đồng, trong đó ông T1 trả 50.000.000đ tiền gốc cho Đ; 129.022.000đ tiền lãi. (Sau khi thu được tiền lãi từ ông T1, Đ được hưởng số tiền 68.500.000 đồng, H được hưởng số tiền 60.522.000 đồng). Số tiền thu lợi bất chính của số tiền 129.022.000 đồng là **110.791.000đ.**

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định trong khoảng thời gian từ tháng 01/2017 đến tháng 15/10/2018, Nông Minh T, Lê Thị Hồng Đ, Lê Cao H đã có hành vi cho vay tiền với mức lãi suất từ 3.000đ/1triệu/1ngày đến 5.000đ/1triệu/1ngày cao gấp 5,4 đến 09 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là tối đa không quá 20%/năm của khoản tiền vay, thu lợi bất chính số tiền là **773.873.294** đồng.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước, ảnh

hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Đặc biệt, trong tình hình hiện nay, tín dụng đen đang trở thành vấn nạn của xã hội, kéo theo nhiều hệ lụy, gây bức xúc trong dư luận quần chúng, nên nhất thiết phải xử lý nghiêm các bị cáo mới đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Nông Minh T là người giúp sức để Lê Thị Hồng Đ cho Cà Xuân T1 vay tiền với lãi suất cao, Lê Thị Hồng Đ là người cung cấp nguồn tiền cho vay và trực tiếp tham gia việc đòi nợ. Do đó, Đ giữ vai trò chính và phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất, T giữ vai trò thứ yếu. Còn Lê Cao H đứng tên cho vay và đòi nợ theo sự chỉ đạo của Đ, nên H là người giúp sức, giữ vai trò thứ yếu trong vụ án.

[5] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

- Bị cáo Nông Minh T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"; quá trình công tác được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang và nhiều Bằng khen; bị cáo có bố đẻ ông Nông Minh C là người có công với cách mạng, tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học hiện đang được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng, tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cà Xuân T1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do đó được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét tính chất, hành vi và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy, bị cáo có đủ điều kiện được áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ để giáo dục, phòng ngừa chung. Bị cáo có thu nhập ổn định (lương hưu hàng tháng 8.000.000đ) nên cần thiết phải khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành án.

- Bị cáo Lê Thị Hồng Đ, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bố đẻ là ông Lê Đăng D được Nhà nước tặng thưởng huân, Huy chương kháng chiến, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s, khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Lê Cao H có nhân thân xấu, hiện còn tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bố mẹ đẻ là ông Lê Xuân H và bà Nguyễn Thị L đều được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s, khoản 1

khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở xem xét toàn diện hành vi, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm, HĐXX sẽ ấn định mức hình phạt phù hợp tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo phạm tội với mục đích vụ lợi, nên cần T1 hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp:

* Đối với khoản tiền gốc 50.000.000 đồng ông T1 đã trả cho bị cáo Đ, xác định đây là phương tiện phạm tội nên cần buộc bị cáo Đ nộp lại ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền gốc còn lại 200.000.000đ ông T1 chưa trả cho các bị cáo nên cần buộc ông T1 nộp lại ngân sách nhà nước.

* Đối với khoản tiền thu lợi bất chính do sau khi nhận tiền từ T1, T đã đưa hết cho Đ và không được hưởng lợi gì nên T không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền này. Do đó, cần buộc Lê Thị Hồng Đ và Lê Cao H phải trả lại cho Cà Xuân T1 vì ông T1 vay tiền với mục đích hợp pháp, cụ thể:

- Bị cáo Lê Thị Hồng Đ phải trả lại cho ông Cà Xuân T1 số tiền đã thu lợi bất chính là: 663.082.294 đồng + 59.373.500 đồng = **722.455.794** đồng.

- Bị cáo Lê Cao H phải trả lại cho ông T1 số tiền đã thu lợi bất chính là: **51.417.500** đồng.

* Đối với khoản tiền lãi 20% theo quy định, cần buộc các bị cáo nộp vào ngân sách Nhà nước vì đây là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội. Cụ thể:

- Bị cáo Lê Thị Hồng Đ phải nộp số tiền là: **70.022.206** đồng.

- Bị cáo Lê Cao H phải nộp số tiền là: **9.104.500** đồng.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen và 01 chiếc điện thoại Iphone màu hồng của Nông Minh T, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho T.

- Các tài liệu liên quan đến việc ông T1 vay tiền của T, Đ, H cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[9] Trong vụ án này còn có:

- Lương Ngọc P là người được Nông Minh T nhiều lần nhờ sang phòng làm việc của ông T1 để chốt tiền gốc, lãi và cho ông T1 viết lãi giấy vay mới. Tuy nhiên, hiện nay P không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý khi có căn cứ.

- Dương Minh H là người làm thuê cho Lê Cao H. Ngày 04/6/2018, Dương Minh H được H nhờ hộ đếm tiền mà ông T1 trả cho Đ tại nhà trọ của H. Qua điều tra xác định, Dương Minh H không biết đó là tiền do H và Đ phạm tội mà có. Ngoài ra, ngày 06/6/2018 Dương Minh H được H chỉ đạo hướng dẫn ông T1 viết giấy vay số tiền 284.000.000đ (Hai trăm tám mươi bốn triệu đồng) là tiền lãi ông T1 còn nợ T và Đ, sau đó Đ giao cho H đòi. Hành vi của Dương Minh H giúp sức Lê Cao H cho người khác vay lãi nặng đã bị cơ quan chức năng xử lý trong một vụ án khác nên trong vụ án này Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Dương Minh H là có căn cứ.

- Cà Xuân T1 là người vay tiền của Nông Minh T, Lê Thị Hồng Đ và Lê Cao H với lãi suất cao. Qua điều tra thấy việc ông T1 vay tiền là để sử dụng vào mục đích cá nhân, không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nông Minh T, Lê Thị Hồng Đ, Lê Cao H phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

* Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nông Minh T 15 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được trừ thời gian đã tạm giữ tạm giam từ ngày 20/9/2019 đến ngày 25/10/2019 là 35 ngày x 3 = 105 ngày. Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 15 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo 500.000đ/1 tháng kể từ ngày giao bị cáo cho UBND phường N đến khi bị cáo chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

* Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Hồng Đ 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

*Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Cao H 08 (Tám) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 10 (Mười) tháng tù tại bản án số 27/2019/HSST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, buộc bị cáo Lê Cao H phải chấp hành hình phạt chung là 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 27/5/2019 đến ngày 21/9/2019.

Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Lê Thị Hồng Đ nộp lại vào Ngân sách Nhà nước số tiền gốc 50.000.000 đồng.

- Buộc Lê Thị Hồng Đ và Lê Cao H phải trả lại cho ông Cà Xuân T1 số tiền đã thu lợi bất chính như sau:

+ Bị cáo Lê Thị Hồng Đ phải trả lại cho ông T1 số tiền **722.455.794đ** (Bảy trăm hai mươi hai triệu bốn trăm năm năm nghìn bảy trăm chín mươi bốn nghìn).

+ Bị cáo Lê Cao H phải trả lại cho ông T1 số tiền 51.417.500đ (Năm mươi mốt triệu, bốn trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng).

- Buộc các bị cáo Lê Thị Hồng Đ và Lê Cao H phải nộp vào ngân sách Nhà nước khoản tiền lãi 20% theo quy định. Cụ thể:

+ Bị cáo Lê Thị Hồng Đ phải nộp số tiền là: 70.022.206đ (Bảy mươi triệu không trăm hai mươi hai nghìn hai trăm linh sáu đồng).

+ Bị cáo Lê Cao H phải nộp số tiền là: 9.104.500đ (Chín triệu một trăm linh bốn nghìn năm trăm đồng).

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cà Xuân T1 phải nộp ngân sách nhà nước số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

3. Về vật chứng: Tiếp tục lưu giữ các tài liệu liên quan đến việc ông T1 vay tiền của T, Đ, H trong hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nông Minh T, Lê Thị Hồng Đ, Lê Cao H mỗi người phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 – TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Phòng Hình sự CA tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Các bị cáo;
- Người có QL,NV;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Quốc Tuấn